TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 23 - 4 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Phạm Văn Cảnh.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Kim Thị Giàu - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST - HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Ngọc T, sinh năm 1977 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Khu phố TS, phường A, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Đ (chết) và bà Trịnh Thị V, sinh năm 1947.

Tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án:

Ngày 23/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong ngày 05/02/2019.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 22/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

1. Ông Trịnh Văn Th, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ x, ấp VT, xã VH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

2. Bà Trần Thị Th1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ x, ấp VT, xã VH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị D, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ y, ấp VT, xã VH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

Người làm chứng:

Bà Lê Thị L. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết bà Trần Thị D có nhu cầu mua mặt bàn đá để sử dụng nên bị cáo Lương Ngọc T nảy sinh ý định trộm cắp mặt bàn đá bán cho bà D lấy tiền tiêu xài. Khoảng 13 giờ ngày 22/12/2019, bị cáo T đi vào cơ sở sản xuất gia công bàn ghế đá bia mộ tại ấp VT, xã VH, huyện Phú Giáo do ông Trịnh Văn Th làm chủ, lấy một xe rùa để mặt bàn đá lên xe đem bán cho bà D với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Do trước đó T nợ bà D 10.000đ (mười nghìn đồng) nên bà D đưa cho T 190.000đ (một trăm chín mươi nghìn đồng). Sau đó, T đẩy xe rùa về cơ sở của ông Th thì bị bà Lê Thị L phát hiện trình báo công an xã VH, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phú Giáo tiến hành bắt giữ T.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 25/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Phú Giáo xác định 01 mặt bàn đá dài 110cm, rộng 60cm, dày 0,4cm có giá trị 320.000đ (ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo đã tạm giữ:

- 01 mặt bàn đá dài 110cm, rộng 60cm, dày 0,4cm; 01 thẻ căn cước công dân số 0380xxxxxxxx mang tên Lương Ngọc T; tạm giữ của Lương Ngọc T 190.000đ (một trăm chín mươi ngìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSPG ngày 20/02/2020 truy tố bị cáo Lương Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu lời luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Ngọc T từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về dân sự, bà D yêu cầu bị cáo trả 200.000 đồng, nhưng bị cáo T chỉ nhận của Duyên 190.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho bà Trần Thị D 190.000 đồng.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử trả 01 thẻ căn cước công dân số 0380xxxxxxxx cho Lương Ngọc T. Cơ quan điều tra đã giao trả 01 mặt bàn đá kích thước dài 110cm, rộng 60cm, dày 0,4cm cho ông Trịnh Văn Th, ông Th và bà Th1 đã nhận tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với tội danh, mức hình phạt và các biện pháp tư pháp mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Trong lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng là đúng thẩm quyền. Quá trình tố tụng và tại phiên toà bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên toà, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau: Ngày 22/12/2019, bị cáo biết bà Trần Thị D cần mua mặt bàn đá nên nảy sinh ý định trộm cắp mặt bàn đá của ông Trịnh Văn Th, bà Trần Thị Th1 bán cho bà D. Đến 13 giờ cùng ngày, bị cáo dùng xe rùa đưa mặt bàn đá đến bán cho bà D với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Do trước đó bị cáo nợ bà D 10.000 đồng nên bà D chỉ đưa cho bị cáo 190.000đ (một trăm chín mươi ngìn đồng). Sau đó bị cáo đẩy xe rùa về nhà ông Th thì bị phát hiện bắt giữ.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện. Bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp được định giá là 320.000đ (ba trăm hai mươi nghìn đồng) chưa đủ yếu tố truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng do bị cáo T có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 68/2018/HSST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, bị cáo chấp hành án xong ngày 05/02/2019 chưa được xóa án tích. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Hành vi của bị cáo là tệ nạn xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trong khu vực, ảnh hưởng đến tâm lý chung của nhân dân tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có sức khoẻ lẽ ra phải biết chăm lo làm ăn nuôi sống bản thân và gia đình nhưng bị cáo lại phạm tội. Bị cáo có 01 tiền án, sau thời gian cải tạo bị cáo không cố gắng để trở thành công dân có ích mà còn vi phạm pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải theo quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- Số tiền 190.000đ (một trăm chín mươi nghìn đồng) thu giữ của Lương Ngọc T. Đây là tiền bị cáo bán mặt bàn cho bà Trần Thị D mà có, bà D không biết tài sản do bị cáo T trộm. Hội đồng xét xử thấy cần trả lại cho bà Trần Thị D.

- Ngày 30/12/2019, Cơ quan điều tra đã giao trả 01 mặt bàn đá kích thước dài 110cm, rộng 60cm, dày 0,4cm cho ông Trịnh Văn Th, ông Th và bà Th1 đã nhận tài sản và không yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét

- 01 thẻ căn cước công dân số 0380xxxxxxxx mang tên Lương Ngọc T là giấy tờ hợp pháp của bị cáo T nên trả lại cho bị cáo.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết khác đối với bị cáo cũng như về xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét ý kiến tranh luận của bị cáo, lời nói sau cùng của bị cáo: Ý kiến, lời nói sau cùng của bị cáo về tội danh, về hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lương Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lương Ngọc T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/12/2019.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo Lương Ngọc T 01 thẻ căn cước công dân số 0380xxxxxxxx mang tên Lương Ngọc T.

Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D 190.000đ (một trăm chín mươi nghìn đồng).

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo và giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 24/02/2020)

- Về trách nhiệm dân sự của vụ án: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Lương Ngọc T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Phòng PV27;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mùi